

THÔNG BÁO

Về tình hình vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính và tiến độ triển khai 82 nhóm thủ tục hành chính

Trên cơ sở kết quả vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính; kết quả kiểm thử, cập nhật chức năng phần mềm ngày 07/7/2026; tình hình xử lý phản ánh, kiến nghị của bộ, ngành, địa phương và ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Trung tâm Dữ liệu quốc gia thông báo kết luận như sau:

1. Kết quả triển khai

(1) Về hạ tầng, hồ sơ:

Hệ thống tiếp tục được theo dõi, giám sát; chưa ghi nhận sự cố lớn ảnh hưởng tổng thể đến vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính và các hệ thống liên quan. Từ ngày 09/6/2026 đến ngày 09/7/2026, hệ thống ghi nhận 9.045.521 hồ sơ.

(2) Về thanh toán

Từ 00 giờ 00 phút ngày 01/7/2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 09/7/2026, hệ thống ghi nhận 664.558 giao dịch, trong đó 611.092 giao dịch thành công với tổng số tiền 196.472.696.324 đồng, gồm: 532.146 giao dịch thu phí, lệ phí; 440 giao dịch hoàn; 78.310 giao dịch thu phạt; 196 giao dịch bảo hiểm xã hội.

Hệ thống ghi nhận 319 giao dịch đã khởi tạo; 0 giao dịch đang xử lý; 6.635 giao dịch thất bại do quá thời gian chờ khi chọn ngân hàng, không hiển thị mã QR; 46.512 giao dịch hết thời gian quét mã QR khi khởi tạo.

Về quyết toán, hệ thống đã quyết toán 584.318 giao dịch với tổng số tiền 193.798.477.349 đồng. Từ ngày 01/7/2026 đến ngày 08/7/2026, còn 7.283 giao dịch chưa quyết toán với tổng số tiền 411.094.842 đồng; 425 giao dịch quyết toán thất bại với tổng số tiền 90.063.571 đồng.

Đối với tháng 6/2026, còn 10.531 giao dịch chưa quyết toán với tổng số tiền 830.912.536 đồng; 1.064 giao dịch quyết toán thất bại với tổng số tiền 412.579.800 đồng.

(3) Về phản ánh, kiến nghị: Hệ thống ghi nhận 14.014 phản ánh, kiến nghị; trong đó: 4.189 phản ánh chờ tiếp nhận, chiếm 29,9%; 3.592 phản ánh đang xử lý, chiếm 25,6%; 2.290 phản ánh từ chối tiếp nhận, chiếm 16,3%; 2.188 phản ánh đã công khai, chiếm 15,6%; các trạng thái khác gồm chờ rút kiến nghị, hủy, chờ bổ sung thông tin, chờ công khai, bị trả lại và thu hồi công khai là 1.755 phản ánh.

Số phản ánh, kiến nghị chờ tiếp nhận quá 07 ngày là 3.048 phản ánh, chiếm 72,8% tổng số phản ánh chờ tiếp nhận và 21,8% tổng số phản ánh trên hệ thống.

- 03 bộ, ngành có số lượng phản ánh, kiến nghị chờ tiếp nhận lớn nhất là: Bộ Công an 2.874 phản ánh; Văn phòng Chính phủ 517 phản ánh; Bộ Khoa học và Công nghệ 108 phản ánh.

- 03 địa phương có số lượng phản ánh, kiến nghị chờ tiếp nhận lớn nhất là: Thành phố Hồ Chí Minh 35 phản ánh; Hà Nội 24 phản ánh; Khánh Hòa 21 phản ánh.

(4) Về tin nhắn và tổng đài hỗ trợ: Hệ thống ghi nhận 7.037.742 yêu cầu gửi tin nhắn, trong đó 7.020.434 yêu cầu thành công, 17.308 yêu cầu thất bại. Tổng đài ghi nhận 88.233 cuộc gọi, tiếp nhận 51.091 cuộc; đã xử lý 46.807 nội dung, còn 1.877 nội dung đang tiếp tục xử lý; tỷ lệ phản ánh, kiến nghị đã xử lý đạt 96,14%.

2. Kết quả tối ưu, chỉnh sửa các chức năng trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

2.1 Đối với công dân, doanh nghiệp

(1) Đã điều chỉnh hiển thị kết quả tra cứu thanh toán trực tuyến, giúp công dân, doanh nghiệp tra cứu rõ hơn tình trạng giao dịch thanh toán phát sinh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(2) Đã khắc phục lỗi hiển thị sai đơn vị thụ hưởng trong màn hình chi tiết hồ sơ trên Hệ thống điều phối khi phát sinh lần thanh toán thứ hai, góp phần hạn chế nhầm lẫn trong theo dõi nghĩa vụ tài chính của hồ sơ.

(3) Đã cập nhật thông tin thủ tục hành chính; đồng thời hoàn thành chức năng tự động chuyển dịch vụ công sang trạng thái dừng công khai khi thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, hạn chế tình trạng người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ vào dịch vụ công không còn phù hợp.

(4) Đã điều chỉnh chức năng phản ánh, kiến nghị, cho phép chuyển phản ánh, kiến nghị lên đơn vị cha cấp 1. Khi tạo phản ánh, kiến nghị, người dùng có thể chọn đơn vị tiếp nhận là đơn vị xử lý hồ sơ hoặc đơn vị cha của đơn vị xử lý hồ sơ, tạo thuận lợi hơn trong việc tiếp nhận, phân loại, xử lý đúng thẩm quyền.

(5) Đã chuyển đổi luồng xử lý giao tiếp với VNeID từ đồng bộ sang bất đồng bộ, bước đầu góp phần giảm tình trạng chờ xử lý khi xác thực, đăng nhập; tiếp tục theo dõi, đánh giá để bảo đảm ổn định trong quá trình vận hành.

2.2 Đối với cán bộ tiếp nhận, xử lý hồ sơ tại bộ, ngành, địa phương

(1) Đã khắc phục lỗi tổng số hồ sơ, góp phần nâng cao độ chính xác trong theo dõi, tổng hợp số liệu hồ sơ trên hệ thống.

(2) Đã xử lý chặn WAF tại 02 màn hình báo cáo gồm: báo cáo thống kê theo cán bộ tiếp nhận và báo cáo thống kê hồ sơ theo lĩnh vực, tạo điều kiện để cán bộ khai thác số liệu phục vụ quản lý, điều hành.

(3) Đã hiển thị danh mục dịch vụ công đối với người dùng thuộc phòng, ban cấp dưới tại cấp xã, giúp cán bộ cấp xã thuận lợi hơn trong việc tra cứu, tiếp nhận, xử lý dịch vụ công theo phạm vi được phân quyền.

(4) Đã cập nhật thông tin thủ tục hành chính, hỗ trợ cán bộ bộ, ngành, địa phương tra cứu, hướng dẫn và xử lý hồ sơ theo thông tin mới nhất trên hệ thống.

3. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

3.1. Về đồng bộ hồ sơ, trạng thái xử lý và dữ liệu giữa các hệ thống

(1) Tồn tại, vướng mắc

Còn phát sinh lỗi đồng bộ hồ sơ, trạng thái xử lý giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống điều phối và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương; trong đó có tình trạng gửi lặp yêu cầu đồng bộ, đồng bộ sai trình tự, mã hồ sơ không đúng chuẩn, hồ sơ đã kết thúc nhưng vẫn tiếp tục gửi trạng thái khác.

Một số bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp đồng hành chưa cung cấp đầy đủ số liệu lỗi theo mã hồ sơ, trạng thái xử lý, thời điểm phát sinh, gây khó khăn trong việc xác định nguyên nhân và trách nhiệm xử lý.

(2) Giải pháp

Mobifone tổng hợp danh sách mã hồ sơ, mã lỗi, đơn vị phát sinh, doanh nghiệp vận hành và nguyên nhân bước đầu, gửi các đơn vị liên quan để rà soát, khắc phục trước ngày 11/7/2026.

VNPT, DTT, FPT, Viettel, Tân Dân và các doanh nghiệp đồng hành rà soát, hiệu chỉnh phần mềm do đơn vị vận hành; bảo đảm đồng bộ đúng tiêu chuẩn, đúng trình tự, không gửi lặp, không gửi trạng thái sai logic nghiệp vụ; báo cáo kết quả trước ngày 14/7/2026; đồng thời, đối soát số liệu hồ sơ phát sinh, hồ sơ đã tiếp nhận, hồ sơ đang xử lý, hồ sơ đã trả kết quả, hồ sơ lỗi, hồ sơ chưa đồng bộ; gửi số liệu về đầu mối cán bộ Trung tâm Dữ liệu quốc gia trước 16 giờ hằng ngày.

3.2. Về thanh toán

(1) Tồn tại, vướng mắc

Hệ thống còn giao dịch chưa quyết toán, quyết toán thất bại, lỗi không hiển thị mã QR, hết thời gian quét mã QR, giao dịch đã thanh toán nhưng chưa cập nhật đúng trạng thái. Trong tháng 6/2026 còn 10.531 giao dịch chưa quyết toán với tổng số tiền 830.912.536 đồng và 1.064 giao dịch quyết toán thất bại với tổng số tiền 412.579.800 đồng. Từ ngày 01/7/2026 đến ngày 08/7/2026 còn 7.283 giao dịch chưa quyết toán với tổng số tiền 411.094.842 đồng và 425 giao dịch quyết toán thất bại với tổng số tiền 90.063.571 đồng.

Đối với lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, trong tháng 6/2026 có 358 hồ sơ (ghi nhận tại tỉnh Quảng Trị) đã thanh toán thành công, đã xuất biên lai, với tổng số tiền 70.170.000 đồng nhưng chưa hạch toán về tài khoản thụ hưởng tại Kho bạc Nhà nước. Hệ thống quản lý thanh toán tập trung mới cấp tài khoản cho đầu mối cấp Sở, chưa cấp cho các chi cục, đơn vị trực thuộc.

Qua theo dõi, có 70 đơn vị sử dụng tài khoản Kho bạc Nhà nước để thu phí, lệ phí, ảnh hưởng đến luồng hoàn tiền tự động và việc chủ động theo dõi nguồn thu.

Hiện nay, Hệ thống Quản lý thanh toán tập trung đã hoàn thành tích hợp với 03 đơn vị Ngân hàng/Trung gian thanh toán (BIDV, VNPay, Momo) và 01 Bộ Tư pháp. Đang trao đổi tích hợp với 09 Ngân hàng/Trung gian thanh toán (Agribank, Vietinbank, Vietcombank, Napas, VPBank, Payoo, SHB, PVCombank, TPBank).

(2) Giải pháp

Mobifone rà soát toàn bộ luồng thanh toán, đối soát, quyết toán, hoàn tiền, xác định tài khoản thụ hưởng; phân loại rõ lỗi thuộc cấu hình tài khoản, dữ liệu truyền vào, ngân hàng/trung gian thanh toán, phần mềm hoặc hạ tầng; báo cáo trước ngày 11/7/2026.

Đối với 358 hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị, đề nghị Mobifone phối hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Kho bạc Nhà nước và các đơn vị thanh toán đối chiếu theo từng mã hồ sơ, mã giao dịch, số tiền, tài khoản thụ hưởng, trạng thái biên lai, đối soát, quyết toán; báo cáo kết quả trước ngày 12/7/2026.

Các đơn vị đang sử dụng tài khoản Kho bạc Nhà nước để thu phí, lệ phí rà soát, chuyển sang sử dụng tài khoản ngân hàng thương mại và cấu hình lại trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Trường hợp tiếp tục sử dụng tài khoản Kho bạc Nhà nước, đơn vị chủ động thực hiện hoàn phí cho công dân theo quy định (*xin gửi danh sách kèm theo*).

3.3. Về dữ liệu, danh mục thủ tục hành chính, dịch vụ công

(1) Tồn tại, vướng mắc

Một số bộ, ngành, địa phương còn thiếu hoặc chưa chuẩn hóa đầy đủ danh mục thủ tục hành chính, dịch vụ công, quy trình nội bộ, phí, lệ phí, đơn vị xử lý, tài khoản thụ hưởng. Việc phối hợp xây dựng biểu mẫu điện tử chưa thể hiện rõ số lượng quy trình đã thống nhất, biên bản đã ký, biểu mẫu đã hoàn thành, trường dữ liệu đã thống nhất, cơ sở dữ liệu đã kết nối, nội dung đã kiểm thử.

(2) Giải pháp

Các bộ, ngành, địa phương rà soát, chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính, dịch vụ công, phí, lệ phí, đơn vị xử lý, tài khoản thụ hưởng; bảo đảm dữ liệu hồ sơ, mã thủ tục, mã đơn vị xử lý, mã đơn vị thụ hưởng, số tiền, biên lai, tài khoản thụ hưởng được truyền thống nhất giữa các hệ thống.

Mobifone phối hợp các bộ, ngành cập nhật tiến độ biểu mẫu điện tử theo từng nhóm thủ tục hành chính; nêu rõ tình trạng quy trình, biên bản, biểu mẫu, trường dữ liệu, kết nối cơ sở dữ liệu, kiểm thử và điều kiện triển khai.

Trung tâm Dữ liệu quốc gia tổng hợp phản ánh, văn bản góp ý theo từng nhóm vấn đề, chuyển Mobifone xử lý thường xuyên; Mobifone cập nhật kết quả xử lý, nguyên nhân, trách nhiệm và thời hạn hoàn thành đối với từng nội dung.

3.4 Về Hệ thống phản ánh, kiến nghị

(1) Tồn tại, vướng mắc

Hệ thống còn 3.048 phản ánh, kiến nghị chờ tiếp nhận quá 07 ngày, chiếm 72,8% tổng số phản ánh, kiến nghị chờ tiếp nhận và 21,8% tổng số phản ánh, kiến nghị trên hệ thống.

Ba bộ, ngành có số lượng phản ánh, kiến nghị chờ tiếp nhận lớn nhất là Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ. Ba địa phương có số lượng phản ánh, kiến nghị chờ tiếp nhận lớn nhất là Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Khánh Hòa.

(2) Giải pháp

Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương tiếp nhận, phân loại, chuyển xử lý đúng thẩm quyền; trường hợp chưa xử lý được ngay vẫn phải cập nhật trạng thái, lý do và đơn vị xử lý.

V03, Văn phòng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Khánh Hòa rà soát phản ánh, kiến nghị chờ tiếp nhận, nhất là

phản ánh, kiến nghị quá 07 ngày; cập nhật kết quả xử lý hoặc lý do chưa xử lý trên hệ thống trước ngày 12/7/2026.

Mobifone hoàn thiện chức năng phân loại, chuyển xử lý, cảnh báo quá hạn, thông kê phản ánh, kiến nghị; cung cấp danh sách chi tiết phản ánh, kiến nghị chờ tiếp nhận theo từng cơ quan, lĩnh vực, thời gian tồn để Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo dõi, đơn đốc.

3.5 Về kết quả điện tử, mã QR và chữ ký số đối với nhóm thủ tục của Bộ Tư pháp

(1) Tồn tại, vướng mắc

Qua phản ánh của địa phương, còn vướng mắc liên quan đến file kết quả điện tử của một số thủ tục thuộc lĩnh vực tư pháp, hộ tịch, chứng thực. Kết quả điện tử tải từ Kho dữ liệu của cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thì xác thực được tính hợp lệ của chữ ký số. Tuy nhiên, Kết quả điện tử cán bộ Một cửa hỗ trợ tải về từ Hệ thống thì có thêm mã QR để tải file Kết quả điện tử hợp lệ mà không kiểm tra được tính hợp lệ của chữ ký số do chữ ký số của file này là ảnh.

(2) Giải pháp

Đề nghị Bộ Tư pháp tách riêng trường hợp tải file phục vụ in Kết quả giải quyết thủ tục hành chính giấy và tải file Kết quả điện tử gốc và hướng dẫn địa phương sử dụng theo đúng mục đích sử dụng.

Mobifone phối hợp Bộ Tư pháp kiểm tra luồng tiếp nhận, hiển thị, tải file kết quả điện tử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống điều phối; bảo đảm cơ quan tiếp nhận và người dân sử dụng đúng file kết quả, không phát sinh cách hiểu “file phụ”, “file chính” thiếu căn cứ.

Trường hợp có yêu cầu điều chỉnh phần mềm, Bộ Tư pháp phối hợp Mobifone thống nhất phương án kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn và thông báo cho địa phương để thực hiện thống nhất.

3.6 Về tiến độ 82 nhóm thủ tục hành chính

(1) Tồn tại, vướng mắc

Trong tổng số 82 nhóm thủ tục hành chính, có 39 nhóm đã thống nhất quy trình nghiệp vụ và ký biên bản; 22 nhóm đã thống nhất quy trình, đang chờ ký biên bản. Còn 21 nhóm chưa đủ điều kiện hoàn thành, gồm 04 nhóm chưa thống nhất quy trình nghiệp vụ và 17 nhóm liên quan đến trường hợp đề xuất không triển khai hoặc bãi bỏ.

Về biểu mẫu điện tử, có 61/82 nhóm đủ điều kiện hoàn thiện biểu mẫu do đã thống nhất quy trình hoặc đang chờ ký biên bản; còn 21/82 nhóm chưa đủ điều kiện do chưa thống nhất quy trình hoặc chưa hoàn thiện căn cứ pháp lý. Hiện còn 13 nhóm chưa hoàn thiện căn cứ pháp lý, gồm: Bộ Tư pháp 05 nhóm; Bộ Tài chính 03 nhóm; Bộ Y tế 02 nhóm; Bộ Công an 02 nhóm; Bộ Nông nghiệp và Môi trường 01 nhóm.

(2) Giải pháp

Đề nghị Bộ Nội vụ, Bộ Y tế và Bộ Tư pháp hoàn thành thống nhất quy trình đối với 04 nhóm thủ tục hành chính còn tồn đọng trước ngày 13/7/2026.

Đề nghị các bộ, ngành đã hoàn thành thống nhất quy trình nhưng chưa ký biên bản khẩn trương hoàn thành ký biên bản đối với 22 nhóm thủ tục hành chính

còn lại trước ngày 13/7/2026 để chuyển sang giai đoạn hoàn thiện biểu mẫu điện tử, kiểm thử và triển khai.

Đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Y tế và Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ pháp lý đối với 08 nhóm thủ tục hành chính đề xuất không triển khai. Đề nghị Bộ Tư pháp hoàn thiện căn cứ pháp lý đối với 05 nhóm thủ tục hành chính bãi bỏ.

4. Tổ chức thực hiện

(1) Các bộ, ngành, địa phương, Mobifone, Gtel, VNPT, Viettel, FPT, DTT, Tân Dân, VNPAY, BIDV, Momo, VPBank, Kho bạc Nhà nước và các đơn vị liên quan căn cứ nội dung Thông báo này khẩn trương tổ chức thực hiện theo phạm vi trách nhiệm.

(2) Báo cáo kết quả thực hiện phải nêu rõ nội dung đã hoàn thành, nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân, trách nhiệm, sản phẩm, thời hạn hoàn thành; không báo cáo chung chung theo hướng “đang rà soát”, “đang xử lý”.

(3) Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo dõi, tổng hợp, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện; trường hợp đơn vị chậm thực hiện, xử lý không đạt yêu cầu hoặc tiếp tục tái diễn lỗi, tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ Công an xem xét, chỉ đạo.

Trung tâm Dữ liệu quốc gia thông báo để các cơ quan, đơn vị biết, khẩn trương thực hiện./. 

Nơi nhận:

- TK1, TK5, TK7 (để báo cáo Lãnh đạo BCA);
- V03 (để phối hợp thực hiện);
- Cục Chuyển đổi số-Cơ yếu, Văn phòng TW Đảng;
- Cục Chuyển đổi số Quốc gia; Trung tâm công nghệ thông tin; Cục Thông tin, Thống kê; Văn phòng Bộ - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Bộ, Cục Công nghệ thông tin - Bộ Tư pháp;
- Kho bạc nhà nước; Cục Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ - Bộ Tài chính;
- Trung tâm chuyển đổi số Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Văn phòng Bộ-Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch;
- Văn phòng Bộ của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Trung tâm Công nghệ thông tin; Văn phòng Bộ- Bộ Xây dựng;
- Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; Văn phòng Bộ - Bộ Công thương;
- Cục Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Chuyển đổi số; Văn phòng Bộ - Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục Công nghệ thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Toà án nhân dân tối cao;
- Trung tâm thông tin Y tế quốc gia; Văn phòng Bộ - Bộ Y tế;
- Cục Chuyển đổi số - Văn phòng Chính phủ;
- Cục Cơ yếu - Công nghệ thông tin; Văn phòng Bộ - Bộ Ngoại giao;
- Doanh nghiệp: DTT, FPT, VIETTEL, VNPT, GTEL, Mobifone, VNPOST, VCB, BIDV, VNPAY (để p/h t/h);
- Văn phòng Ủy ban nhân dân, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm phục vụ hành chính công của 34 tỉnh, thành phố;
- Công an 34 tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TTDLQG(P1, P4).

GIÁM ĐỐC



Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Cương

Phụ lục: 70 đơn vị dùng tài khoản kho bạc nhà nước

STT	Mã đơn vị thụ hưởng	Tên đơn vị thụ hưởng
1	G06.18	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	G16.20	Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	H01.05	Sở Khoa học và Công nghệ - tỉnh An Giang
4	H17.03	Sở Công Thương TP.Đà Nẵng
5	H17.14	Sở Nông nghiệp và Môi trường TP.Đà Nẵng
6	H17.19	Sở Y tế TP. Đà Nẵng
7	H18.8	Sở Nội vụ - tỉnh Điện Biên
8	H20.16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Tháp
9	H20.190	Xã Long Định tỉnh Đồng Tháp
10	H20.42	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp
11	H21.151	UBND xã Ia Pia, Tỉnh Gia Lai
12	H21.157	UBND xã Ia Tôr, Tỉnh Gia Lai
13	H24.106	UBND xã An Lão- Thành Phố Hải Phòng
14	H24.119	UBND Đặc khu Cát Hải- Thành Phố Hải Phòng
15	H24.120	UBND xã Chấn Hưng- Thành Phố Hải Phòng
16	H24.2	Sở Công Thương - TP. Hải Phòng
17	H24.207	UBND xã Vĩnh Bảo - TP. Hải Phòng
18	H24.208	UBND xã Vĩnh Hải - TP. Hải Phòng
19	H24.209	UBND xã Vĩnh Hòa - TP. Hải Phòng
20	H24.211	UBND xã Vĩnh Thịnh - TP. Hải Phòng
21	H24.212	UBND xã Vĩnh Thuận - TP. Hải Phòng
22	H24.60	Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng
23	H24.60.1	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y - TP. Hải Phòng
24	H24.60.10	Chi cục Phát triển nông thôn - TP. Hải Phòng
25	H24.61	Sở văn hóa - Thể thao và Du lịch - TP Hải Phòng
26	H29.217	Ủy ban nhân dân Phường Tân Bình - TP.HCM
27	H29.3	Sở Du lịch - TP.HCM
28	H32.11	Sở Nội vụ - tỉnh Khánh Hòa
29	H32.11.10	Trung tâm lưu trữ lịch sử - tỉnh Khánh Hòa
30	H32.201	UBND phường Ba Ngòi Tỉnh Khánh Hòa
31	H32.203	UBND phường Bắc Cam Ranh Tỉnh Khánh Hòa
32	H32.225	UBND xã Cam Lâm - Tỉnh Khánh Hòa
33	H32.241	UBND xã Nam Cam Ranh - Tỉnh Khánh Hòa

34	H35.12	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu
35	H37.71	UBND xã Vũ Lễ - tỉnh Lạng Sơn
36	H37.72	UBND xã Tân Tri - tỉnh Lạng Sơn
37	H38.42	Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai
38	H38.6	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai
39	H44.205	UBND phường Thống Nhất - Tỉnh Phú Thọ
40	H44.206	UBND xã Thịnh Minh - Tỉnh Phú Thọ
41	H44.207	UBND xã Cao Phong - Tỉnh Phú Thọ
42	H44.208	UBND xã Mường Thàng - Tỉnh Phú Thọ
43	H44.209	UBND xã Thung Nai - Tỉnh Phú Thọ
44	H44.211	UBND xã Cao Sơn - Tỉnh Phú Thọ
45	H44.214	UBND xã Tân Pheo - Tỉnh Phú Thọ
46	H44.216	UBND xã Kim Bôi - Tỉnh Phú Thọ
47	H44.219	UBND xã Hợp Kim - Tỉnh Phú Thọ
48	H44.220	UBND xã Nật Sơn - Tỉnh Phú Thọ
49	H44.222	UBND xã Mường Vang - Tỉnh Phú Thọ
50	H44.224	UBND xã Ngọc Sơn - Tỉnh Phú Thọ
51	H44.236	UBND xã Bao La - Tỉnh Phú Thọ
52	H44.237	UBND xã Mai Hạ - Tỉnh Phú Thọ
53	H44.237	UBND xã Mai Hạ - Tỉnh Phú Thọ
54	H44.237	UBND xã Mai Hạ - Tỉnh Phú Thọ
55	H44.237	UBND xã Mai Hạ - Tỉnh Phú Thọ
56	H44.237	UBND xã Mai Hạ - Tỉnh Phú Thọ
57	H44.45.08	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường
58	H50.02	Sở Nội vụ - tỉnh Quảng Trị
59	H50.10	Sở Nông Nghiệp và Môi trường - tỉnh Quảng Trị
60	H50.10.05	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - tỉnh Quảng Trị
61	H50.10.06	Chi cục Chăn nuôi và Thú y - tỉnh Quảng Trị
62	H50.10.08	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư - tỉnh Quảng Trị
63	H50.10.25	Chi cục Kiểm lâm - tỉnh Quảng Trị
64	H50.13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - tỉnh Quảng Trị
65	H52.05	Sở Công Thương tỉnh Sơn La
66	H52.16	Sở Tư pháp tỉnh Sơn La
67	H52.18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La
68	H53.49	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh
69	H61.10	Sở Khoa học và Công nghệ - Tỉnh Vĩnh Long
70	H61.20	Ban Quản lý Khu kinh tế - Tỉnh Vĩnh Long

Phụ lục: Danh sách thống kê chi tiết tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị

STT	Lĩnh vực	Tổng số PAKN	Chờ tiếp nhận	Đã tiếp nhận	Đang xử lý	Đã xử lý	Đã công khai	Từ chối tiếp nhận	Quá hạn
1	Bộ Tư pháp	909	22	327	7	154	370	0	2
2	Bộ Công an	3332	2943	6	52	28	238	4	2400
3	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	992	9	114	396	396	1	52	6
4	Bộ Tài chính	677	21	292	92	130	1	26	0
5	UBND Thành phố Hà Nội	424	19	11	66	219	66	0	10
6	Văn phòng Chính phủ	564	519	0	0	0	45	0	469
7	UBND Thành phố Đồng Nai	374	2	26	327	1	3	11	1
8	Bộ Nội vụ	201	13	21	4	151	4	8	0
9	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	133	12	7	51	46	0	12	0
10	UBND tỉnh Phú Thọ	137	11	4	70	39	1	8	1
11	UBND tỉnh Thanh Hóa	174	3	38	110	7	6	9	0
12	UBND tỉnh Bắc Ninh	110	0	0	52	35	0	16	0

13	UBND Thành phố Hải Phòng	168	4	0	90	57	0	15	0
14	UBND tỉnh Tây Ninh	137	0	0	76	48	0	13	0
15	Bộ Y tế	103	17	0	10	67	0	6	15
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	55	1	1	40	8	1	4	0
17	Bộ Khoa học và Công nghệ	109	103	0	0	0	6	0	76
18	UBND tỉnh Quảng Ngãi	45	3	0	15	22	0	5	0
19	UBND tỉnh Ninh Bình	164	0	3	21	110	0	29	0
20	UBND tỉnh Lâm Đồng	123	1	0	49	49	0	21	0
21	UBND tỉnh Hưng Yên	93	3	2	53	20	3	8	0
22	UBND tỉnh Quảng Ninh	96	8	0	56	12	3	11	3
23	UBND tỉnh Khánh Hòa	45	8	0	0	19	11	0	0
24	UBND tỉnh Đắk Lắk	101	1	2	62	29	1	6	0
25	UBND tỉnh Gia Lai	84	1	0	36	37	1	9	0

26	Bộ Giáo dục và Đào tạo	55	1	4	3	22	0	6	0
27	Bộ Xây dựng	42	4	2	15	14	0	6	31
28	UBND Thành phố Cần Thơ	78	0	0	47	21	0	6	0
29	UBND tỉnh Nghệ An	59	4	2	38	13	0	1	0
30	UBND tỉnh An Giang	83	0	0	21	30	0	17	0
31	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	49	0	2	4	41	0	1	0
32	UBND Thành phố Đà Nẵng	176	7	0	15	140	4	0	0
33	UBND tỉnh Vĩnh Long	81	1	0	9	28	0	43	0
34	UBND tỉnh Hà Tĩnh	23	2	0	7	9	0	1	1
35	UBND tỉnh Thái Nguyên	33	1	0	25	4	0	1	0
36	UBND tỉnh Đồng Tháp	78	1	5	62	2	0	8	0
37	UBND tỉnh Sơn La	25	1	0	14	6	1	3	0
38	UBND tỉnh Quảng Trị	43	1	2	14	15	2	2	0

39	Bộ Công thương	68	62	0	0	6	0	0	58
40	UBND tỉnh Cà Mau	48	9	2	9	19	3	6	0
41	UBND Thành phố Huế	24	0	0	9	9	1	2	0
42	Thanh tra Chính phủ	45	1	0	0	41	0	1	0
43	UBND tỉnh Cao Bằng	10	0	0	2	5	0	2	0
44	UBND tỉnh Tuyên Quang	14	1	0	11	2	0	0	0
45	Bộ Ngoại giao	14	5	0	0	6	2	0	0
46	UBND tỉnh Lào Cai	12	0	0	6	5	0	1	0
47	Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ TTTT cũ)	2	0	0	0	0	2	0	0
48	UBND tỉnh Lạng Sơn	12	1	0	5	3	0	3	0
49	UBND tỉnh Lai Châu	3	0	1	0	2	0	0	0
50	UBND tỉnh Điện Biên	3	0	0	0	0	0	2	0
51	Bộ Quốc phòng	5	1	0	0	3	0	0	0